

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-8-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Hương;
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quốc Vương - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh N Đ T sinh năm 1988.

Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố x, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Bị đơn: Chị B T Y sinh năm 1987.

Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố x, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2022, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh N Đ T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị B T Y tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Y M, huyện S, tỉnh Nam Định vào ngày 27/02/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 06 năm, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng với nhau về quan điểm sống và tạo dựng phát triển kinh tế gia đình, chị Y tiêu tán tiền của gia đình vào việc gì anh không biết dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm với nhau, tình trạng hôn nhân không đạt được, do mâu thuẫn mà vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2020

cho đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Y.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Anh và chị Y có hai con chung là các cháu N B H sinh ngày 07/12/2013 và cháu N Đ N sinh ngày 10/12/2020 cả hai cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường hiện nay vợ chồng sống ly thân cháu H đang ở cùng với anh còn cháu N đang ở với chị Y. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, để chị Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu N cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung; không vay nợ ai và không cho ai vay chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Đề nghị của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Y thừa nhận tự nguyện kết hôn với anh T vào ngày 27/02/2013 tại UBND xã Y M, huyện S, tỉnh Nam Định, do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau mỗi người một nơi. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh N Đ T khởi kiện ly hôn với chị thì chị cũng đồng ý.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Thị Y thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu N B H sinh ngày 07/12/2013 và cháu N Đ N sinh ngày 10/12/2020 cả hai cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường hiện nay cháu H đang ở cùng với anh T còn cháu N đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu N, để cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

- Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ban đầu xác minh cho thấy chị Y vẫn đi lại tổ dân phố x, thị trấn P thăm con nhưng chị không đến Tòa án, không trình bày ý kiến của mình. Tòa án đã niêm yết tất cả các văn bản tố tụng theo quy định. Sau khi niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa thì ngày 24/8/2022 chị Y đến Tòa án nộp đơn xin xét xử vắng mặt, trình bày về quan hệ hôn nhân, về con chung, nuôi con khi ly hôn.

* Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Đúng quy định của pháp luật;

+ Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án Tranh chấp về hôn nhân gia đình;

+ Về xác định người tham gia tố tụng; thu thập tài liệu, chứng cứ: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng; lấy lời khai của bị đơn và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định;

+ Thời hạn giải quyết vụ án: Đúng quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Việc chấp hành pháp luật của hội đồng xét xử sơ thẩm, thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1

Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan hệ hôn nhân xử cho anh N Đ T được ly hôn chị B T Y. Về con chung xử: Giao cháu N B H sinh ngày 07/12/2013 cho anh N Đ T; giao cháu N Đ N sinh ngày 10/12/2020 cho chị B T Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

- Về án phí: Tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự đúng quy định pháp luật.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh T kiện ly hôn chị Y, chị Y cư trú tại tổ dân phố x, thị trấn P, huyện B do vậy đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã giao cho các đương sự đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự, mặc dù bị đơn đồng ý ly hôn và việc nuôi con chung nhưng lại không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, không tiến hành hoà giải được vụ án, niêm yết thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ cho các đương sự (ngày 24/8/2022 bị đơn nộp đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt). Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh T và chị Y có Đăng ký kết hôn với nhau; thời điểm kết hôn anh chị không vi phạm về điều kiện kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Việc anh T kiện ly hôn chị Y, Tòa án xét thấy:

Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng anh chị chỉ hoà thuận hạnh phúc cho đến năm 2018 thì đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng với nhau về quan điểm sống và tạo dựng phát triển kinh tế gia đình. Nhưng mâu thuẫn trầm trọng là từ năm 2020, kể từ đó cho đến nay anh chị sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Anh T kiện ly hôn, chị Y cũng đồng ý, nhưng chị Y không tham gia hoà giải nên Toà án phải mở phiên toà để xét xử. Xét thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh N Đ T được ly hôn chị B T Y.

[3] *Về nuôi con khi ly hôn*: Anh T và chị Y đều thừa nhận có 02 con chung là cháu N B H sinh ngày 07/12/2013 và cháu N Đ N sinh ngày 10/12/2020 cả hai cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, cháu H đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng và có nguyện vọng được ở cùng bố, cháu N đang do chị Y trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T làm tại Chi nhánh kỹ thuật Viettel Lào Cai thu nhập ổn định; chị Y làm nghề buôn bán tự do có thu nhập cũng đảm bảo việc trực tiếp nuôi dưỡng 01 con khi ly hôn; xét đến quyền lợi về mọi mặt, nguyện vọng của đương sự, sự phát triển về thể chất, tinh thần và về lâu dài của con. Vì những căn cứ trên nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc xem xét việc giao con cho phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân, gia đình và các quy định khác của pháp luật.

[4] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn:*

Cả anh T và chị Y đều không có nguyện vọng về việc cấp dưỡng nuôi con, anh chị đều là lao động chính có thu nhập, việc trực tiếp mỗi người nuôi một con chung bên kia không cấp dưỡng vẫn đảm bảo cuộc sống bình thường của cả hai cháu. Vì vậy không xem xét giải quyết về việc cấp dưỡng.

[5] *Về nghĩa vụ chịu án phí:* Anh N Đ T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; các Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh N Đ T được ly hôn với chị B T Y.

2. *Về nuôi con khi ly hôn:* Giao cháu N B H sinh ngày 07/12/2013 cho anh N Đ T, giao cháu N Đ N sinh ngày 10/12/2020 cho chị B T Y được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H và cháu N đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí:* Anh N Đ T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002900 ngày 14/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai. Anh N Đ T đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Quyền kháng cáo đối với bản án:* Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND H. B (2);
- Chi cục THADS H. B;
- UBND xã Yên Mỹ,
H. S, tỉnh Nam Định;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng

